

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09/12/2000; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03/6/2008;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 8/10/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

Căn cứ Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 05/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, chế độ đóng góp và miễn, giảm, hỗ trợ đối với đối tượng trong cơ sở chữa bệnh và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 72/TTr-SLĐTBXH ngày 20/4/2015 và của Sở Tài chính tại Công văn số 1570/STC-HCSN ngày 28/5/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung liên quan như đã nêu trong Quy định kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 05/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMT TQ Việt Nam tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K20. *fnl*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH**



Mai Thanh Thắng

QUY ĐỊNH

Về việc thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2000 /QĐ-UBND ngày 11 /6/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội (sau đây gọi là Trung tâm) và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng theo Luật phòng, chống ma túy.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội, các cơ quan, tổ chức và cá nhân sử dụng nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm và cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

2. Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trung tâm cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Người chưa thành niên nghiện ma túy chữa trị cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm, người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm và người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại gia đình và cộng đồng theo Luật phòng, chống ma túy.

4. Người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện bắt buộc và tự nguyện cai nghiện tại Trung tâm hoặc chữa trị, cai nghiện tại gia đình và cộng đồng có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí hoặc được Nhà nước trợ cấp theo quy định này. Trường hợp người nghiện ma túy không đủ điều kiện đóng góp thì thân nhân của người đó phải có trách nhiệm đóng góp.

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Các khoản chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại Trung tâm cai nghiện bắt buộc

1. Chi phí cai nghiện, chăm sóc sức khỏe:

a) Khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ: Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh;

b) Tiền thuốc cắt cơn (trừ trường hợp đã được điều trị cắt cơn tại Tổ chức xã hội), giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội; thuốc chữa bệnh thông thường; khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần. Việc điều trị cắt cơn nghiện ma túy, khám sức khỏe định kỳ thực hiện theo quy định của Bộ Y tế. Mức chi theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp. Trung tâm lập dự toán hàng năm phù hợp với tình hình thực tế gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thực hiện;

c) Chi phí điều trị đối với học viên bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo vượt quá khả năng điều trị của cơ sở cai nghiện bắt buộc thì được chuyển tới cơ sở y tế hoặc đưa về gia đình để chữa trị, chăm sóc. Chi phí điều trị tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bản thân học viên hoặc gia đình học viên tự thanh toán.

2. Tiền trang bị quần áo và đồ dùng sinh hoạt thiết yếu, học văn hóa: thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

3. Tiền ăn. Định mức ăn hàng tháng của học viên được quy định như sau: Gạo 17 kg, thịt hoặc cá 1,5 kg, đường bình thường 0,5 kg, muối 1,0 kg, bột ngọt 0,5 kg, nước nắm 01 lít, rau xanh 15 kg, chất đốt 15 kg củi hoặc tương đương.

Ngày lễ, Tết dương lịch học viên được ăn thêm không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày lễ Tết nguyên đán học viên được ăn thêm không quá 05 lần tiêu chuẩn ngày thường. Tiêu chuẩn ăn được tính theo giá thị trường của địa phương. Chế độ ăn đối với học viên bị ốm do Giám đốc Trung tâm cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của cơ sở y tế Trung tâm.

4. Tiền hoạt động văn nghệ, thể thao mức 70.000 đồng/học viên/năm.

5. Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/học viên/tháng.

6. Chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy; phòng, chống HIV/AIDS; vệ sinh môi trường và an ninh, trật tự an toàn xã hội cho học viên: Nội dung và mức chi theo Thông tư số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

7. Tiền học nghề:

a) Học viên chưa có nghề hoặc có nghề nhưng không phù hợp, có nhu cầu học nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng được hỗ trợ một lần chi

phí học nghề. Căn cứ trình độ và năng lực của học viên; điều kiện về cơ sở vật chất của cơ sở cai nghiện bắt buộc và tình hình thực tế, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định hình thức học nghề cho phù hợp. Mức hỗ trợ cụ thể tùy theo từng đối tượng, từng nghề, thời gian học nghề thực tế và hình thức học nghề nhưng tối đa không vượt quá mức quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn và các văn bản hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg; không hỗ trợ tiền học nghề cho học viên bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ lần thứ hai trở đi đã được học nghề;

b) Hình thức học nghề:

- Trường hợp học viên học nghề do cơ sở trực tiếp tổ chức thì cơ sở cai nghiện bắt buộc được chi các nội dung: Khai giảng, bế giảng, cấp chứng chỉ nghề; mua tài liệu, giáo trình học nghề; thù lao giáo viên dạy lý thuyết và giáo viên hướng dẫn thực hành nghề; hỗ trợ nguyên, nhiên, vật liệu học nghề; chỉnh sửa, biên soạn lại chương trình, giáo trình (nếu có); chi phí điện, nước, phục vụ lớp học; sửa chữa tài sản, thiết bị dạy nghề; chi thuê thiết bị dạy nghề (nếu có); chi cho công tác quản lý lớp học không quá 5% tổng kinh phí cho lớp đào tạo;

- Trường hợp học viên học nghề theo hình thức liên kết đào tạo giữa cơ sở cai nghiện bắt buộc với cơ sở dạy nghề, cơ sở cai nghiện bắt buộc thanh toán theo hợp đồng đào tạo.

8. Đối với học viên bị nhiễm HIV/AIDS được trợ cấp thêm tiền thuốc chữa bệnh không quá 150.000 đồng/người/năm; tiền mua sắm các vật dụng phòng, chống lây nhiễm HIV và các khoản chi hỗ trợ khác (trừ tiền ăn, tiền thuốc chữa trị cai nghiện) theo quy định tại Quyết định số 96/2007/QĐ-TTg ngày 28/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý, chăm sóc, tư vấn điều trị cho người nhiễm HIV và phòng lây nhiễm HIV tại các cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, cơ sở chữa bệnh, cơ sở bảo trợ xã hội, trại giam, trại tạm giam và các văn bản hướng dẫn Quyết định.

9. Chi phí mai táng đối với trường hợp học viên chết trong thời gian chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến trong vòng 24 giờ, cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm tổ chức mai táng. Mức mai táng phí tối đa là 8.100.000 đồng/người. Trong trường hợp cần trưng cầu giám định pháp y để xác nhận nguyên nhân chết, cơ sở cai nghiện bắt buộc thanh toán chi phí giám định pháp y theo quy định tại Thông tư số 34/2014/TT-BTC ngày 21/3/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y.

10. Tiền ăn đường, tiền tàu xe: Học viên thuộc đối tượng là thân nhân người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo, sau khi chấp hành xong quyết định trở về nơi cư trú được cấp tiền ăn đường, tiền tàu xe như sau:

a) Tiền ăn là 40.000 đồng/người/ngày trong những ngày đi đường, tối đa không quá 3 ngày;

b) Tiền tàu xe theo giá phương tiện công cộng phổ thông.

11. Các khoản chi khác: Mức chi căn cứ vào hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội giao, bao gồm:

a) Thuê chuyên gia tư vấn cho học viên về chuyển đổi hành vi phục hồi nhân cách, kỹ năng sống, tái hòa nhập cộng đồng, về phòng chống tái nghiện ma túy, dự phòng lây nhiễm HIV và các bệnh truyền nhiễm khác (nếu có);

b) Chi mua, in ấn tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ cho công tác tư vấn, giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi phục hồi nhân cách, phòng chống tái nghiện ma túy, dự phòng lây nhiễm HIV và các bệnh truyền nhiễm khác cho học viên;

c) Chi cho công tác vệ sinh môi trường, phòng dịch.

Điều 4. Các khoản đóng góp và chế độ miễn, giảm đối với người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm

1. Các khoản đóng góp

Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm phải đóng góp toàn bộ chi phí trong thời gian ở Trung tâm, gồm các khoản chi phí sau:

a) Tiền ăn 40.000 đồng/người/ngày;

b) Thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện và thuốc chữa bệnh thông thường khác 700.000 đồng/người/đợt điều trị;

c) Xét nghiệm tìm chất ma túy và các xét nghiệm khác 350.000 đồng/người/đợt điều trị;

d) Sinh hoạt văn nghệ, thể thao 70.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;

đ) Học văn hóa, học nghề (nếu bản thân đối tượng có nhu cầu);

e) Điện, nước, vệ sinh 80.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;

g) Tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất 300.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;

h) Phụ vụ, quản lý 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

2. Chế độ miễn, giảm

Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm được xem xét miễn hoặc giảm một phần chi phí chữa trị, cai nghiện trong thời gian cai nghiện tại Trung tâm theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, như sau:

a) Miễn hoặc giảm đóng góp cho đối tượng *bắt buộc* cai nghiện

* Miễn đóng góp 100% tiền ăn cho các đối tượng gồm:

- Người thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

- Người chưa thành niên;

- Người bị nhiễm HIV/AIDS;

- Người không có nơi cư trú nhất định;

* Giảm 50% mức đóng góp tiền ăn cho các đối tượng thuộc hộ cận nghèo.

b) Miễn hoặc giảm đóng góp cho người *tự nguyện* cai nghiện

* Miễn đóng góp 100% cho các đối tượng gồm:

- Người già cô đơn (đối với người nghiện ma túy);
- Người từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội;
- Người thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;
- Người chưa thành niên;
- Người bị nhiễm HIV/AIDS;
- Người không có nơi cư trú nhất định;
- Hộ gia đình có từ 02 người trở lên tàn tật nặng và người tàn tật không có khả năng tự phục vụ;
- Gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi.

* Giảm 50% mức đóng góp chi phí chữa trị, cai nghiện cho các đối tượng thuộc hộ cận nghèo.

c) Thủ tục xét miễn, giảm quy định như sau:

- Đơn trình bày hoàn cảnh xin được miễn, giảm của đối tượng hoặc thân nhân đối tượng (có xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi cư trú).

- Ban quản giáo họp xét và đề nghị Giám đốc Trung tâm miễn, giảm (đối tượng tại Trung tâm);

- Văn bản đề nghị miễn, giảm của Giám đốc Trung tâm gửi Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định miễn, giảm (kèm đơn xin miễn, giảm của đối tượng, biên bản họp xét và đề nghị miễn, giảm của Ban quản giáo);

- Thời gian nhận đơn, Ban Quản giáo tổ chức họp xét không quá 7 ngày; Văn bản đề nghị miễn, giảm, của Trung tâm gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định miễn, giảm không quá 5 ngày.

Điều 5. Nội dung, mức chi cho công tác tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng; các khoản đóng góp và miễn giảm, hỗ trợ tiền thuốc cắt cơn nghiện ma túy.

1. Nội dung, mức chi cho công tác tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng

Chi hỗ trợ cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình và cộng đồng: Mức hỗ trợ là 350.000 đồng/người/tháng.

2. Các khoản đóng góp

Người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc và tự nguyện tại cộng đồng hoặc gia đình của người nghiện ma túy có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí trong thời gian cai nghiện như sau:

a) Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn 400.000 đồng/người/lần cai nghiện;

b) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện 400.000 đồng/người/lần cai nghiện;

c) Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại các cơ sở điều trị cắt cơn 40.000 đồng/người/ngày; .

3. Chế độ miễn, giảm

a) Người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng được xét miễn hoặc giảm một phần chi phí, trong thời gian cai nghiện tập trung tại các cơ sở điều trị cắt cơn ở địa phương.

* Miễn đóng góp 100% cho các đối tượng gồm:

- Người thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

- Người chưa thành niên;

- Người bị nhiễm HIV/AIDS;

* Giảm 50% mức đóng góp cho các đối tượng thuộc hộ cận nghèo.

b) Miễn hoặc giảm đóng góp chi phí chữa trị, cai nghiện cho đối tượng tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại gia đình và cộng đồng.

* Miễn đóng góp 100% chi phí chữa trị, cai nghiện cho đối tượng gồm:

- Người già cô đơn (đối với người nghiện ma túy);

- Người từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội;

- Người thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

- Người chưa thành niên;

- Người bị nhiễm HIV/AIDS;

- Hộ gia đình có từ 02 người trở lên tàn tật nặng, không có khả năng tự phục vụ;

- Gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi.

* Giảm 50% mức đóng góp chi phí chữa trị, cai nghiện cho các đối tượng thuộc hộ cận nghèo.

c) Thủ tục xét miễn, giảm quy định như sau:

Đơn trình bày hoàn cảnh xin được miễn, giảm của đối tượng hoặc thân nhân đối tượng (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú), gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận, thẩm tra đơn trình bày không quá 7 ngày, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định miễn, giảm theo quy định.

4. Chế độ hỗ trợ

a) Người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy mức 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

b) Người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ các khoản sau:

- Tiền thuốc hỗ trợ điều trị cắt con nghiện ma túy: 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;
- Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung: mức 40.000 đồng/người/ngày, thời-gian tối đa không quá 15 ngày.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí để thực hiện chi trợ cấp và miễn, giảm chi phí chữa trị, cai nghiện cho các đối tượng theo quy định này được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của ngân sách địa phương hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

a) Đối với kinh phí chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội. Hàng năm Trung tâm căn cứ các khoản trợ cấp cho đối tượng và các khoản phải thực hiện miễn, giảm cho đối tượng theo quy định tại quyết định này và số người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm. Lập dự toán cùng với chi thường xuyên của Trung tâm gửi Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thực hiện.

b) Đối với kinh phí chữa trị, cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng tại UBND xã, phường, thị trấn có người nghiện ma túy (sau đây gọi chung là cấp xã). Căn cứ số đối tượng nghiện ma túy trên địa bàn xã, trong đó: Đối tượng được miễn, giảm tiền thuốc cai nghiện, tiền ăn và các chi phí tiền thuốc hỗ trợ cắt con nghiện... Lập dự toán cùng với dự toán ngân sách cấp xã, hàng năm trình Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định chi ngân sách cấp huyện thực hiện.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan; UBND huyện, thị xã, thành phố lập dự toán kinh phí chi đảm bảo xã hội hàng năm để thực hiện chế độ trợ cấp, miễn giảm chi phí chữa trị, cai nghiện cho các đối tượng theo quy định này. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Trung tâm và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (địa phương có người nghiện ma túy) tổ chức triển khai thực hiện việc chi trả trợ cấp, thực hiện các chế độ miễn, giảm đúng chế độ, đúng đối tượng theo quy định.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm cân đối, bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách chi đảm bảo xã hội hàng năm theo phân cấp quản lý để tổ chức thực hiện chế độ trợ cấp và miễn, giảm chi phí chữa trị, cai nghiện cho các đối tượng theo quy định.

3. Đối với những nội dung liên quan khác về thực hiện chế độ cho các đối tượng cai nghiện ma túy tại Trung tâm, gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bình Định không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại

Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và những quy định hiện hành của Nhà nước.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết. / ds Amh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Thanh Thắng